SAO Y Trung tâm Phát triển quỹ đất
30.03.2022 14:34:20 +07:00

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Số: 49 /TB-TTPTQĐ

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2022

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 41 tờ bản đồ số 60 phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai thành lập Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 3868/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đấu giá quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 41 tờ bản đồ số 60, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 41 tờ bản đồ số 60, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt giá đất khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 41 tờ bản đồ số 60, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai thông báo công khai về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản như sau:

1. Thông tin về việc bán đấu giá tài sản:

a) Tên, địa chỉ của đơn vị có tài sản: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

b) Tên tài sản, số lượng, chất lượng và giá khởi điểm tài sản đấu giá:

Tài sản để bán đấu giá là quyền sử dụng đất thửa đất số 41 tờ bản đồ số 60, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thông tin chi tiết như sau:

- Tên tài sản: Quyền sử dụng đất thửa đất số 41 tờ bản đồ số 60, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Tổng diện tích khu đất: 105,8 m^2.

- Diện tích đấu giá: 105,8 m^2.

- Giá khởi điểm: 2.298.928.000 đồng (Theo Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai).

2. Lựa chọn tổ chức bán đấu giá:

Tất cả các đơn vị tổ chức đấu giá có đầy đủ năng lực, điều kiện đáp ứng các tiêu chí tại Khoản 4, Điều 56, Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và được đánh giá theo thang điểm cho từng tiêu chí tại Phụ lục I Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, cụ thể như sau:

a) Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá;

b) Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả;

c) Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản;

d) Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp;

đ) Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định;

e) Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố;

Lưu ý:

- Địa điểm tổ chức cuộc đấu giá tài sản tại Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

- Khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản: Áp dụng theo Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản.

(Đính kèm Phụ lục I Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai thông báo đến đơn vị có nhu cầu tham gia tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất thửa đất số 41 tờ bản đồ số 60, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để đăng ký.

Thời gian: Thời gian nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản kể từ ngày 01/04/2022 đến hết ngày 08/04/2022 ***(nộp trong giờ hành chính)***.

Địa điểm: Hồ sơ đăng ký nộp tại Phòng Hành chính Tổng hợp của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

Hồ sơ tham gia đăng ký của tổ chức đấu giá tài sản phải được niêm phong, người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân để đối chiếu *(Lưu ý: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai sẽ không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ của các tổ chức đấu giá tài sản không được lực chọn).*

Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai mong nhận được sự hợp tác của các tổ chức đấu giá tài sản./.

(Để biết thêm thông tin vui lòng liên hệ Ông Nguyễn Văn Huy - Phó trưởng Phòng Quản lý và Phát triển quỹ đất - SĐT: 0982.939.755).

Nơi nhận:
- Sở Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Ông Nguyễn Ngọc Thường - PGĐ Sở (b/c);
- UBND thành phố Biên Hòa (biết);
- UBND phường Tân Biên;
- Trung tâm CNTT (phối hợp đăng thông tin);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc TT;
- Phòng HCTH (đăng thông tin và tiếp nhận hồ sơ);
- Bộ phận Kế toán (theo dõi, thực hiện);
- Lưu VT, QLPTQĐ (07b) Thái (02b).

GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG T. ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH ĐỒNG NAI

Ngô Đức Thắng

SAO Y
Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 20.01.2022 08:22:24 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 223 /QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 41 tờ bản đồ số 60 tại phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về việc quy định giá đất;

Căn cứ Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 8591/TTr-STC ngày 24 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án giá đất khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với đối với thửa đất số 41 tờ bản đồ số 60 phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa với các nội dung sau:

1. Mục đích định giá đất và các thông tin về khu đất:

a) Mục đích thẩm định giá đất: để bán đấu giá quyền sử dụng đất.

b) Thông tin về khu đất:

- Tổng diện tích khu đất: 105,8m^2 .

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị.

- Địa điểm: phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa.

- Thời hạn sử dụng đất: lâu dài.

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ Trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số /2019, tỷ lệ 1:500 do Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Biên Hòa thực hiện và được Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai kiểm tra nội nghiệp ngày 10/07/2019.

2. Phương án về giá đất: Giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 41 tờ bản đồ số 60 phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa như sau:

Loại đất	Vị trí	Diện tích (m^2)	Giá đất định giá ($đ/m^2$)	Tổng giá trị khu đất (đồng)
Đất ở tại đô thị (ODT)	Vị trí 2 đường Điểu Xiển	105,8	21.729.000	2.298.928.200
Làm tròn				**2.298.928.000**

Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm chín mươi tám triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn đồng.

Điều 2. Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, giao cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai tổ chức bán đấu giá theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai, Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS

Phụ lục I

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	**Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá**	**23,0**
1	***Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá***	***11,0***
1.1	*Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)*	*6,0*
1.2	*Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện*	*5,0*
2	***Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá***	***8,0***
2.1	*Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá*	*4,0*
2.2	*Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá*	*4,0*
3	***Có trang thông tin điện tử đang hoạt động***	***2,0***
4	***Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến***	***1,0***
5	***Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá***	***1,0***
II	**Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả** *(Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)*	**22,0**
1	***Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan***	***4,0***
2	***Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao***	***4,0***
3	***Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá***	***4,0***
4	***Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá***	***4,0***
5	***Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá***	***3,0***
6	***Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá***	***3,0***

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
III	**Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản**	**45,0**
1	***Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)*** ***Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5***	***6,0***
1.1	*Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)*	*2,0*
1.2	*Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng*	*3,0*
1.3	*Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng*	*4,0*
1.4	*Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng*	*5,0*
1.5	*Từ 30 hợp đồng trở lên*	*6,0*
2	***Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)*** ***Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5***	***18,0***
2.1	*Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)*	*10,0*
2.2	*Từ 20% đến dưới 40%*	*12,0*
2.3	*Từ 40% đến dưới 70%*	*14,0*
2.4	*Từ 70% đến dưới 100%*	*16,0*
2.5	*Từ 100% trở lên*	*18,0*
3	***Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)*** ***Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3***	***5,0***
3.1	*Dưới 03 năm*	*3,0*
3.2	*Từ 03 năm đến dưới 05 năm*	*4,0*
3.3	*Từ 05 năm trở lên*	*5,0*
4	***Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản*** ***Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3***	***3,0***
4.1	*01 đấu giá viên*	*1,0*

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
4.2	*Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên*	*2,0*
4.3	*Từ 05 đấu giá viên trở lên*	*3,0*
5	***Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3***	***4,0***
5.1	*Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên*	*2,0*
5.2	*Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên*	*3,0*
5.3	*Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên*	*4,0*
6	***Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4***	***5,0***
6.1	*Dưới 50 triệu đồng*	*2,0*
6.2	*Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng*	*3,0*
6.3	*Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng*	*4,0*
6.4	*Từ 200 triệu đồng trở lên*	*5,0*
7	***Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2***	***3,0***
7.1	*Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)*	*2,0*
7.2	*Từ 03 nhân viên trở lên*	*3,0*
8	***Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn***	***1,0***
IV	**Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp** ***Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3***	**5,0**
1	***Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính***	***3,0***
2	***Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)***	***4,0***

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
3	***Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)***	*5,0*
V	**Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định**	**5,0**
Tổng số điểm		**100**
VI	**Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố**	
1	***Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố***	***Đủ điều kiện***
2	***Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố***	***Không đủ điều kiện***

Ghi chú:

1. Tài sản đấu giá cùng loại là tài sản đấu giá được quy định trong cùng một điểm của khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản, ví dụ: quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai thuộc tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản; quyền sử dụng đất bị kê biên theo pháp luật về thi hành án dân sự thuộc tài sản thi hành án quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản; quyền sử dụng đất thế chấp cho tổ chức tín dụng và được tổ chức tín dụng bán đấu giá theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm thuộc tài sản bảo đảm quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản.

2. Năm trước liền kề tại mục 1, mục 2, mục 6 và mục 8 Phần III Phụ lục I Thông tư này được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12.

3. Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn do tổ chức đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Phụ lục này.

Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật, đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản; tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên bị xử lý vi phạm hành chính; tổ chức đấu giá tài sản bị cơ quan có thẩm quyền xác định không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ thì tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm cung cấp các thông tin này.

4. Tổ chức đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Tổ chức đấu giá tài sản có thể gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Người có tài sản không được yêu cầu tổ chức đấu giá tài sản nộp bản chính hoặc bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.